



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-998-7850

1V-113087

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam HOANG NAM
Last Middle First

Current Address 146/97/7 PHAN DINH PHUNG QUAN BINH THANH TP HO CHI MINH

Date of Birth 4-22-37 Place of Birth SAIGON (VIETNAM)

Names of Accompanying Relatives/Dependents

<u>NGUYEN THAI NHUNG</u>	<u>HOANG PHUONG CHI</u>
<u>HOANG PHUONG</u>	<u>HOANG PHUONG LOAN</u>
<u>HOANG DUNG</u>	<u>HOANG VIET</u>

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 5/14/75 To 1-31-84

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>MARY NGUYEN</u>	<u>BROTHER IN LAW</u>		
<u>PASADENA CA 91107</u>			

Form Completed By:

MARY NGUYEN
Name

PASADENA
Address
CA 91107

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): HOANG NAM
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
NGUYEN THI NHUNG	6-9-43	WIFE
HOANG PHUONG	2-28-62	SON
HOANG DUNG	5-16-64	SON
HOANG PHUONG CHI	10-26-66	DAUGHTER
HOANG PHUONG LOAN	4-16-73	DAUGHTER
HOANG VIET	6-1-75	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

INTAKE FORM
Mẫu Dón Về Lý Lịch

SEP 29 1986

NAME (TÊN TÙ NHÂN) : HOANG NAM
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : H 22 1937
 (NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ✓ MALE Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) : ✓
 (Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 146/97/7 PHAN DINH PHUNG - PHUONG 2
 (Địa chỉ tại VN) : QUAN BINH THANH - THANH PHO HO CHI MINH

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ✓ No (Không) :
 : If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 5/14/75 To (Đến) : 1-31-86

PLACE OF RE-EDUCATION : TRẠI HÀ NAM NINH (HANOI) - TRẠI THU DUC
 CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : TRUNG TA HAI QUAN

EDUCATION IN U.S. : NA SUPPLY CORPS SCHOOL
 (DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : HAI QUAN ĐẠI VÚ

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : CHỈ HUY TRƯỞNG CCHQ ^{NHÀ BẾ} Date (Năm) : 1972
 (Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : ✓ IV Number (số hồ sơ) : 113087 No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 6 NGƯỜI
 (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.

MAILING ADDRESS IN VN : 146/97/7 PHAN DINH PHUNG - PHUONG 2
 (Địa chỉ liên lạc tại VN) : QUAN BINH THANH - THANH PHO HO CHI MINH

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : MARY NGUYEN
 (Tên, Địa chỉ Thân nhân : hay Người Bảo Trợ) : PASADENA CA 91107

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : Có No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : EM RE ¹²

NAME AND SIGNATURE : Mary Nguyen MARY NGUYEN :
 ADDRESS OF INFORMANT : PASADENA CA 91107
 (Tên, Địa chỉ, Chữ ký, Điện thoại của người diễn đôn nay)

DATE : 9 3 86
 Month (tháng) Day (ngày)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): HOANG NAM
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
NGUYEN THI NHUNG	6-9-43	WIFE
HOANG PHUONG	2-28-62	SON
HOANG DUNG	5-16-64	SON
HOANG PHUONG CHI	10-26-66	DAUGHTER
HOANG PHUONG LOAN	4-16-73	DAUGHTER
HOANG VIET	6-1-75	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

IV 113087

SEP 29 1986

NAME (TÊN TỬ NHÂN) : HOANG NAM
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 4 22 1937
 (NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ MALE Female (Nữ): ☐

MARITAL STATUS : Single (Độc thân): ☐ Married (có lập gia đình): ☒
 (Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 146/97/7 PHAN DINH PHUNG - PHUONG 2
 (Địa chỉ tại VN) : QUAN BINH THANH - THANH PHO HO CHI MINH

POLITICAL PRISONER (Có là Tử binh tại VN hay không): Yes (Có) ☒ No (Không): ☐
 : If yes (Nếu Có): From (Từ): 5/14/75 To (Đến): 1-31-84

PLACE OF RE-EDUCATION: TRẠI HÀ NAM NINH (HANOI) - TRẠI THU DUC
 CAMP (TRẠI TỬ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp): TRUNG TÁ HAI QUAN

EDUCATION IN U.S. : NA SUPPLY CORPS SCHOOL
 (DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): HAI QUAN ĐẠI VÚ

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): CHỈ HUY TRƯỞNG CCHQ/ ^{NHÀ BẾ} Date (Năm): 1973
 (Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): ☒ IV Number (số hồ sơ): 113087 No (Không): ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): 6 NGƯỜI
 (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.

MAILING ADDRESS IN VN: 146/97/7 PHAN DINH PHUNG - PHUONG 2
 (Địa chỉ liên lạc tại VN) QUAN BINH THANH - THANH PHO HO CHI MINH

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : MARY NGUYEN
 (Tên, Địa chỉ Thân nhân : hay Người Bảo Trợ) PASADENA CA 91107

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): Có No (Không): ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): EM RÊ¹²

NAME AND SIGNATURE : Mary Nguyen MARY NGUYEN
 ADDRESS OF INFORMANT
 (Tên, Địa chỉ, Chủ Ký, Điện thoại (của người điền đơn này) PASADENA CA 91107

DATE : 9 3 86
 Month (tháng) Day (ngày) Year (năm)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): HOANG NAM
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
NGUYEN THI NHUNG	6-9-43	WIFE
HOANG PHUONG	2-28-69	SON
HOANG DUNG	5-16-64	SON
HOANG PHUONG CHI	10-26-66	DAUGHTER
HOANG PHUONG LOAN	4-16-73	DAUGHTER
HOANG VIET	6-1-75	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

Camp: THU DUC

Independence Liberty Happiness.

No. 168

IV 113 087

PERMISSION OF RELEASE.

Based on the circular No. 966 BCA Issued date: May 31, 1961
by : Domestic Affairs Department, and based on the Release
Permission no. 141 date 01/16/84.

The following persons are released:

Name: HOANG NAM Born: 1937
Other name used: /
Place of birth: SAIGON
Address before arrest: 13A Que Long Residence Coplex,
Binh Thanh, Ho chi Minh City.
Reason of arrest: Lieut.Colonel, Commender Supply Division
Date of arrest: 05/14/75
Address will reside: 146/97/7 Phan Dinh Phung, Binh Thanh
Ho chi Minh City.
Note from the Camp: Progreessive, hard working and good
of following the regulation.

Forced Residence: 3 months Probation
Travel expenses: Paid
Date must be reported to local Authority: Before 02/04/84

Right index finger printed

of: HOANG NAM

Receiver' signature. (Signed)

Date: Camp Commander.
Sealed & Signed.

I hereby to state that the foregoing translation is true and
correct to the best of my knowledge.

STATE OF CALIFORNIA)
COUNTY OF LOS ANGELES) SSTRANSLATOR. LeulansoSUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 4th DAY OF Sept
1985.NOTARY PUBLIC. B

REPUBLIC OF VIETNAM

SOUTH VIETNAM

(translation)

CITY SAIGON

DISTRICT /

No. 2007

BIRTH CERTIFICATE

Year 1937

FULL NAME HOANG NAM SEX : male

D.O.B. 04/22/1937

P.O.B. 217 Frere Louis St. SAIGON

FATHER HOANG VAN TIEP AGE

OCCUPATION Journalist

ADDRESS 285/27 Col.Grimaud St. Saigon.

MOTHER NGUYEN THI NHAN AGE

OCCUPATION Unemployment

ADDRESS 285/27 Col. Grimaud St. SAIGON.

RANK OF WIFE Legitimate

Registered date:

Extracted from the Origin.

SAIGON date: 08/09/1960

Signed and sealed by NGUYEN VAN KHUONG
OfficerI heareby state that the above translation is
true and correct to the best of my knowledge.

Translator

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 4th
DAY OF Sept 1985

STATE OF CALIFORNIA)

COUNTY OF LOS ANGELES) SS

Notary Public



No 30

IV 113087

HUSBAND

WIFE

NAME: <u>HOANG NAM</u>	<u>NGUYEN THI NHUNG</u>
OCCUPATION: <u>Navy Officer</u>	<u>Student</u>
D.O.B. <u>Saigon</u>	<u>SAI GON</u>
P.O.B. <u>04/22/1937</u>	<u>06/09/1943</u>
RESIDENCE: <u>Navy's Residence</u>	<u>67 Tran hung Dao (TAY NINH)</u>
FATHER: <u>HOANG VAN TIEP</u>	<u>NGUYEN QUANG NHAN</u>
AGE: <u>50</u>	<u>42</u>
OCCUPATION: <u>Journalist/Address: Navy's Residence.</u>	<u>Police District (Tay Ninh)</u>
MOTHER: <u>NGUYEN THI NHAN (Deceased)</u>	<u>NGUYEN THI LY/Occ. Housewife.</u>
AGE: <u>//</u>	<u>36</u>
CEREMONY MASTER <u>HOANG VAN TIEP</u>	<u>NGUYEN QUANG NHAN</u>
AGE: <u>50</u>	<u>42</u>
OCCUPATION: <u>Journalist</u>	<u>Tay Ninh Police Dist.</u>
RESIDENCE: <u>Navy's Residence</u>	<u>67 Tran hung Dao, Tay Ninh</u>
RANK OF WIFE: <u>Primary</u>	<u>//</u>
MATCHING PERSON: <u></u>	<u>//</u>
AGE: <u></u>	<u></u>
RESIDENCE: <u></u>	<u></u>
MARRIAGE DATE <u></u>	<u>03/19/1959</u>
DECLARED DATE <u></u>	<u></u>
1st WITNESS <u>HOANG VAN CHUOC</u>	2nd WITNESS <u>NGUYEN THI VIET AN</u>
AGE: <u>42</u>	<u>50</u>
OCCUPATION: <u>Professor</u>	<u>Housewife</u>
RESIDENCE <u>1 Suong Nguyen Anh (saigon)</u>	<u>28 Paul Planchard (Saigon)</u>

REGISTERED AT: Thanh My Tay date: 06/09/1959Extracted from the Original Copy. At Thanh My Tay date 02/11/60.STATE OF CALIFORNIA
COUNTY OF LOS ANGELES

} SS

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 4th DAY OF Sept 1985.I hereby to state that the foregoing translation
is true and correct.

NOTARY PUBLIC


 Translator Thien Bui
 OFFICIAL SEAL
 THIENTH BUI
 NOTARY PUBLIC - CALIFORNIA
 LOS ANGELES COUNTY
 My Comm. Expires Nov 20, 1987

TV 113087

KBC 6631 date: 05/09/1973

REPUBLIC OF VIETNAM
MILITARY OF REPUBLIC OF VIETNAM
NAVY
NAVY SUPPLY DEPARTMENT
SUPPLY DEVISION OF NHA BE.

No. 851/CCYT/TV/NB/CCTN.

INSERVICE IDENTIFICATION CERTIFICATE.

Full name: HOANG NAM Tag No. 57A700.191
Rank/Profession: Lieut.Colonel/Navy/Mechanic
Date of Birth 04/20/1937 Place of birth: SAIGON.
Military ID Card # BN No.075 Issued place: KBC 6631
Issued date: 04/26/1973
Father: HOANG VAN TIEP Mother: NGUYEN THI NHAN
Recruiting date: 01/10/1956
Break off period: None
Duty at: NAVY SUPPLY CENTER OF NHA BE. KBC. 6631.

This Certificate is issued for: Administrative filing.
Expired date: 3 months from signed date.

Sealed & Signed.

STATE OF CALIFORNIA)
COUNTY OF LOS ANGELES) SS

SUBSCRIBED & SWORN TO BEFORE ME THIS 4th DAY OF Sept. 1985.

NOTARY PUBLIC B. hier



I hereby to state that the above translation is true and correct to the best of my knowledge and belief.

TRANSLATOR Pulando

Navy Supply Corps School

UNITED STATES OF AMERICA



DEPARTMENT OF THE NAVY

This is to Certify that

LIEUTENANT (Junior grade) HANG HUI, Vietnamese Navy

Has successfully completed the FOREIGN OPERATIONS SUPPLY *Course*
and is qualified for DUTIES APPROPRIATE TO MILITARY ASSISTANCE PROGRAM SUPPLY OPERATIONS

9 JULY 1966

Vance Fowler

VANCE FOWLER, CAPTAIN, EC, U.S. NAVY
COMMANDING OFFICER



REPUBLIC OF VIETNAM

SOUTH VIETNAM

CITY SAIGON

DISTRICT /

No. 2750

IV 113 087

(translation)

BIRTH CERTIFICATE

Year 1941

FULL NAME NGUYEN THI CAM VAN SEX: Female

D.O.B. 05/27/1941

P.O.B. 41 Bersesio St. Saigon.

FATHER NGUYEN QUANG NHAN AGE :/

OCCUPATION Business

ADDRESS An Khanh Village, GIA DINH

MOTHER NGUYEN THI LY AGE

OCCUPATION Unemployment

ADDRESS An Khanh Village, GIA DINH

RANK OF WIFE Legitimate

Registered date

Extracted from the Origin.

SAIGON date: 04/14/1955

Signed and sealed by : NGUYEN PHU HAI
Officer

I heareby state that the above translation is
true and correct to the best of my knowledge.

Translator

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME THIS 4th
DAY OF Sept. 1985

STATE OF CALIFORNIA)

COUNTY OF LOS ANGELES) SS

Notary Public



WORKSHEET 002

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

NAME NGUYEN THI NHUNG

OTHER NAMES USED:

SEX: F BIRTHDATE: 05/07/45 COB: VN
ADDRESS IN VIETNAM:166/07/7 PHAM DINH PHUNG, P. 2, 3, PHAM THANH
T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

NAME	SEX	DOB	REL.	COB	ACCOMPA.
	M/F	MM DD YY	PA		MM DD YY
1. NGUYEN THI NHUNG	F	05 07 45	PA	VN	
2. NGANG NAM	M	06 22 37	MU	VN	
3. NGANG PHUONG	M	02 28 52	SC	VN	
4. NGANG DUNG	M	03 16 54	SC	VN	
5. NGANG PHUONG CUI	F	10 26 58	DA	VN	
6. NGANG PHUONG LOAN	F	04 16 73	CA	VN	
7. NGANG VIST	M	08 03 73	SC	VN	
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					
13.					
14.					

FOR OFFICE
PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SYMBOL: 11 BIRTHDAY DATE: 12/75/79 REL-SPONSOR VS PA: 61

BURL DO SAV #1 JUL:

BURL EMPLOYMENT (CAT 2):

PVT NO EMPLOYMENT (CAT 3-4):

BURL/STATUS ETC: VS C

CAT 1 DATE: --/--/-- FLUP: --/--/-- OTHER: --

CAT 2/3 DATE: --/--/-- FLUP: --/--/-- OTHER: --

BURLIST VS: --/--/-- LOI SENT: --/--/-- NOT

OTHER ACTIONS: --

LOCAL NAMES: --

LOCAL ALIEN: BURLIST --/--/-- RECD: --/--/-- VS: --

POSSIBLE DUPE: --

REF IV 01

OPR 10 - CRR
ALL DATE: 04/22/15
PAGE NO. 1017

***** IV 111047

SPONSOR IN THE UNITED STATES:

HA NGUYEN VAN CAN VAN

SECRET

000000

PASADENA, CA 91107

~~PHONE (HOME): 878/777 78074 (BUSINESS): / /~~

REF ID: A66486

REFERENCES

DOCUMENTATION

15

॥

100

PROY:

0748

5

NAME	DATE	TIME	LOCATION	REMARKS
1. J. A. Smith	10/1/54	10:00	101	IN SERVICE CERTIFICATE
2. J. B. Jones	10/1/54	10:05	101	IN SERVICE CERTIFICATE
3. J. C. Brown	10/1/54	10:10	101	IN SERVICE CERTIFICATE
4. J. D. White	10/1/54	10:15	101	IN SERVICE CERTIFICATE
5. J. E. Black	10/1/54	10:20	101	IN SERVICE CERTIFICATE
6. J. F. Green	10/1/54	10:25	101	IN SERVICE CERTIFICATE
7. J. G. Hall	10/1/54	10:30	101	IN SERVICE CERTIFICATE
8. J. H. King	10/1/54	10:35	101	IN SERVICE CERTIFICATE
9. J. I. Lee	10/1/54	10:40	101	IN SERVICE CERTIFICATE
10. J. J. Miller	10/1/54	10:45	101	IN SERVICE CERTIFICATE
11. J. K. Davis	10/1/54	10:50	101	IN SERVICE CERTIFICATE
12. J. L. Wilson	10/1/54	10:55	101	IN SERVICE CERTIFICATE
13. J. M. Moore	10/1/54	11:00	101	IN SERVICE CERTIFICATE
14. J. N. Taylor	10/1/54	11:05	101	IN SERVICE CERTIFICATE
15. J. O. Jackson	10/1/54	11:10	101	IN SERVICE CERTIFICATE
16. J. P. Roberts	10/1/54	11:15	101	IN SERVICE CERTIFICATE
17. J. Q. Adams	10/1/54	11:20	101	IN SERVICE CERTIFICATE
18. J. R. Baker	10/1/54	11:25	101	IN SERVICE CERTIFICATE
19. J. S. Carter	10/1/54	11:30	101	IN SERVICE CERTIFICATE
20. J. T. Evans	10/1/54	11:35	101	IN SERVICE CERTIFICATE
21. J. U. Fisher	10/1/54	11:40	101	IN SERVICE CERTIFICATE
22. J. V. Gibson	10/1/54	11:45	101	IN SERVICE CERTIFICATE
23. J. W. Hardy	10/1/54	11:50	101	IN SERVICE CERTIFICATE
24. J. X. Hill	10/1/54	11:55	101	IN SERVICE CERTIFICATE
25. J. Y. Young	10/1/54	12:00	101	IN SERVICE CERTIFICATE

ONLY

SPENCER IN THE UNITED STATES

ADON ADG HC HCY HC HCY GVN PHOTO OTHER

SECRET

[illegible]

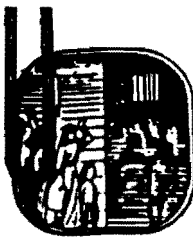
AND:----- RED CAMP: --1--2-- TO --1--2--

DO NOT SHUT DOWNST --/--/-- PERMIT 0 ----- FEEDBACK LIST --/--

MEDICAL RECORDS

100

 AIRCOMB, USMCNY --/--/-- REC'D --/--/--



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TO
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL

PO BOX 5435, ARLINGTON,
TELEPHONE 703-1

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

134
Vũ Văn
Khuê Sĩ
Khuê Sĩ

NAME (Ten Tu-nhan) : HOANG NAM
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 04 22 1937
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 146/97/7 VŨ TÙNG, PHƯỜNG 2
(Dia chi tai Viet-Nam) QUẬN BÌNH THẠNH, HOCHIMINH CITY
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 6/13/75 To (Den): 1st time 1/30/84
PLACE OF RE-EDUCATION: long Khanh, Suối mầu 11/11/84 TO 2nd time 8/28/87
CAMP (Trai tu) Sơn La, Nam Hà, Hân Tân
PROFESSION (Nghe nghiep): Lieutenant commander of VN Navy Force
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Navy supply corps school
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Lt. commander
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): 1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X IV Number (So ho so): 113087
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 146/97/7 VŨ TÙNG
PHƯỜNG 2, QUẬN BÌNH THẠNH HOCHIMINH CITY
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
NGUYEN THI CẨM VAN (SISTER-IN-LAW)
PASADENA, CA 91107
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER. (Lien he voi tu nhan tai VN): SISTER-IN-LAW
NAME & SIGNATURE: Vũ Văn Khuê Sĩ
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Rel.
DATE: 11 22 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : HOANG NAM
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 04 32 1937
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 146/97/7 VU TUNG, PHUONG 2
(Dia chi tai Viet-Nam) QUAN BINH THANH, HOCHIMINH CITY
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) V No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 6/13/75 To (Den): 1st time 1/30/84
PLACE OF RE-EDUCATION: Long Khanh, Suoi man 11/11/84 TO 2nd time 8/28/87
CAMP (Trai tu) Son La, Nam Ha, Hain Tan
PROFESSION (Nghe nghiep): Former Lieutenant Commander of VN Navy Force
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Navy supply corps school
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Lt. Commander
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): 1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X IV Number (So ho so): 113087
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 146/97/7 VU TUNG
PHUONG 2, QUAN BINH THANH HOCHIMINH CITY
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN THI CAM VAN (SISTER-IN-LAW)
2186 VILLA #7 PASADENA, CA 91107
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): V No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER. (Lien he voi tu nhan tai VN): SISTER-IN-LAW
NAME & SIGNATURE: [Signature]
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) TEL. 818-577-8094
DATE: 11 22 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HOANG NAM
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI NHUNG	6/9/43	WIFE
HOANG PHUONG	2/28/62	SON
HOANG DUNG	5/16/64	SON
HOANG PHUONG CHI	10/25/66	DAUGHTER
HOANG PHUONG LOAN	4/16/73	DAUGHTER
HOANG VIET	6/1/75	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

NONE

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi đến quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.

- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo lãnh.

- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)

Nguyệt San Chứng Nhân được biết, những đơn xin bảo lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo sẽ được Hội chuyển thẳng đến bộ ngoại giao Hoa Kỳ để chờ can thiệp.

Sd ~~108~~ GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

										CƠ QUAN QUẢN LÝ	
SHSLD										DATE	
GIẤY RA TRẠI										2086	
										10 02 4	

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thi hành án văn, quyết định tha số 141 ngày 16 tháng 1 năm 84

của _____ BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Hoàng Nam Sinh năm 19 57

Các tên gọi khác

Nơi sinh: Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

15/4 cũ xã Cửu Long, Bình Thạnh, TP: HCM

Can tội Trung tá chỉ huy trưởng của ous yểm trợ

Bị bắt ngày 19/7/75 tại An phat 110

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của

Đã bị tặng huân chương lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại ~~146/57/7 Phan đình Phùng, Bình Thạnh, TP: HCM~~

Nhận xét quá trình cải tạo

trong thời gian cải tạo đã có nhiều tiểu bộ, lao động có nhiều cố gắng, học tập và chấp hành nội quy kỷ luật nghiêm.

- Thời gian quản chế : 12 tháng (trời hai tháng)

tiền tàu xe đi đường cũ cấp từ trại về đến gia đình

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

khi về địa phương,

Trước ngày 04 tháng 06 năm 19 04

Lưu tay ngắn trở lại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 31 tháng 1 năm 1964

Glenn the

Cua

Danh bạ số _____

Lip 41

12/11/11

At This

**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNISTS**
Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam
P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị
(Two Copies)

IV. # 112 087
VEWL. #
F171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo những trình tự đi có hệ lụy)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first): HOANG NAM
(Họ và tên theo thủ tự Việt Nam)
2. Sex: M DOB: 24/22/37 Place of Birth: SAIGON S. VIETNAM
(Phái) (tháng, ngày, năm) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit COMMANDER VN NAVY
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng) COMMANDING OFFICER LSB NHA BE

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 05/11/75 SAIGON S. VIETNAM
(Ngày nổi tình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: HAMAM NINH THU DUC
(Tên địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: 1-13-84 RELEASE
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: MARRIED
(Cố gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children NGUYEN THI NHUNG (WIFE)
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

HOANG PHUONG (SON) HOANG DUNG (SON)

HOANG PHUONG (DAUGHTER) HOANG PHUONG HAN (DAUGHTER)

HOANG VIET (SON)

3. Address of family:

(Địa chỉ gia đình) 146/97/7 VU TUNG - P2 - QUẬN BÌNH THẠNH - TP. HO CHI MINH
S. VIETNAM

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: NGUYEN THI CAN VAN Occupation SELLING FASHION ALFA
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: ALFA - PASADENA CA 91107
(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee: SISTER IN LAW
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in U.S.A: Permanent Resident ☐ U.S. Citizen ☒

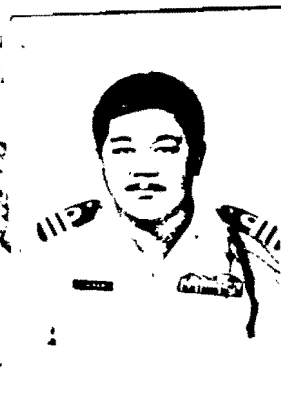
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

Yes ☐ No ☐

Date: 9/1/90
(Ngày, tháng, năm)

1. m cam Nguyen
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

(Certificate of Release)



Navy Supply Corps School

UNITED STATES OF AMERICA



DEPARTMENT OF THE NAVY

This is to Certify that

LIEUTENANT (junior grade) HOANG NAM, Vietnamese Navy

Has successfully completed the FOREIGN OFFICERS SUPPLY *Course*

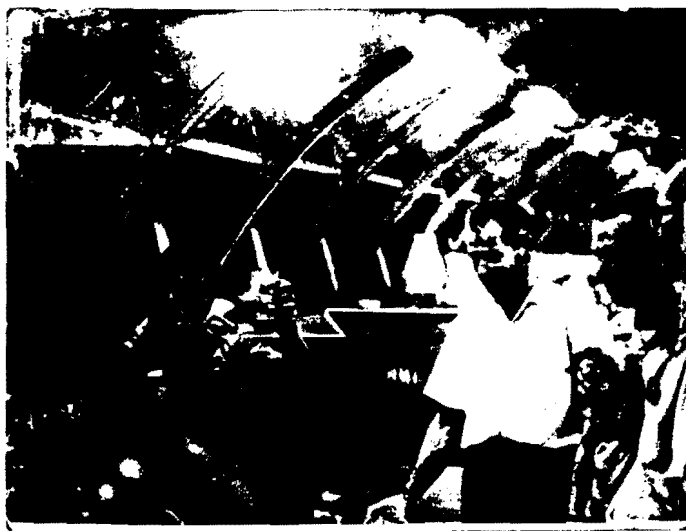
and is qualified for DUTIES APPROPRIATE TO MILITARY ASSISTANCE PROGRAM SUPPLY OPERATIONS

8 July 1966



Vance Fowler

VANCE FOWLER, CAPTAIN, SC, U.S. NAVY
COMMANDING OFFICER



AT LACHOI REPAIR FACILITY
WITH ADVISORS - G4



HOANG NAM



NGUYEN THI
NHUNG



GTN. W.C. WESTERLAND DISCUSSED
JUNK FORLE REPAIR FACILITY AT LACHOI
VICE VAMCO WITH LT. HOANG NAM



HOANG VIET



HOANG PHUONG LOAN



HOANG PHUONG CHI



HOANG PHUONG



HOANG DUNG

PHOTO BY SP4 DEMAS M. THOMPSON
39th SLO BN
FIELD PHOTO TEAM

Dallas

ODP CHECK FORM

Date: 6/27

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: Hoang Nam

Date of Birth: _____

Address in VN _____

Spouse Name: Tran Thi Hai

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: 9 Years _____ Months _____ Days

IV # 113087

VEWL # _____

I-171 : _____ Yes; _____ No. - EXIT PERMIT: _____ Yes ; _____ No.

Special List # _____

Sponsor: _____

Remarks: _____

(From Mr. Sullivan) _____

Sincerely,

[Signature]
KHUC MINH THO

Tel # 252 5154 (0) 560 0252 (11)

9/Phan
re ed
có di
petition

Place

ARL. VA. 22204
#